

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO KỶ KẾ TOÁN 06 THÁNG ĐẦU NĂM
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023	12 – 44

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 579.640.610.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2023: 579.640.610.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: Số 57, Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: (84) 236.3697333
- Fax: (84) 236.3697222
- Email: Dawaco@vnn.vn

3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2023 Công ty có 02 đơn vị trực thuộc và 01 công ty con. Thông tin khái quát về công ty con và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Ban Quản lý dự án Cấp nước Đà Nẵng	Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp xây lắp Dawaco	Số 10 Trịnh Công Sơn, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,0%	100,0%



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

4. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thăm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Hương	Chủ tịch	29/10/2021	
Ông Đặng Thanh Bình	Phó chủ tịch	29/10/2021	
Ông Hồ Minh Nam	Thành viên	29/10/2021	
Ông Lê Đức Quý	Thành viên	29/10/2021	
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	29/10/2021	

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	29/10/2021	
Bà Phạm Thị Quế Chi	Thành viên	29/10/2021	
Ông Thái Quốc Khánh	Thành viên	29/10/2021	

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	29/10/2021	
Ông Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	14/12/2021	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Thịnh	Kế toán trưởng	29/10/2021	

6. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	29/10/2021	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 08 đến trang 44.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính (riêng) để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

HỒ HƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Số: 42/2023/BCKT/AUD-DNVV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (riêng).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

TP. Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim – Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- **Lưu VIETVALUES.**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		502.422.997.892	532.304.380.597
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	36.140.626.967	50.932.323.811
111	1. Tiền		36.140.626.967	40.932.323.811
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		335.551.430.137	339.908.781.560
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	335.551.430.137	339.908.781.560
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.033.697.363	27.130.077.583
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	15.116.427.598	13.975.514.117
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.868.509.942	3.034.291.010
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	22.980.917.161	18.052.429.794
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.932.157.338)	(7.932.157.338)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	33.634.843.447	34.274.250.073
141	1. Hàng tồn kho		33.634.843.447	34.274.250.073
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		65.062.399.978	80.058.947.570
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12a	331.624.827	204.096.085
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.15	38.454.352.855	42.286.673.690
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	26.276.422.296	37.568.177.795
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.164.202.834.008	1.138.638.608.361
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		585.971.158.712	508.740.502.814
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	585.492.062.870	508.102.719.470
222	- Nguyên giá		1.986.743.629.580	1.871.887.988.371
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.401.251.566.710)	(1.363.785.268.901)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	479.095.842	637.783.344
228	- Nguyên giá		9.696.575.951	9.696.575.951
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.217.480.109)	(9.058.792.607)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		561.141.849.713	612.315.961.983
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	561.141.849.713	612.315.961.983
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	9.130.736.134	9.210.073.849
251	1. Đầu tư vào công ty con		10.000.000.000	10.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(869.263.866)	(789.926.151)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.959.089.449	8.372.069.715
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12b	7.959.089.449	8.372.069.715
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.666.625.831.900	1.670.942.988.958

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG


Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (riêng) (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		863.334.086.969	874.232.718.750
310	I. Nợ ngắn hạn		278.781.194.105	286.650.779.011
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	52.543.486.716	65.209.797.412
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	700.467.405	742.454.332
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	7.682.196.619	7.961.311.780
314	4. Phải trả người lao động	V.16	18.124.097.671	28.726.468.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	4.534.746.886	2.807.996.641
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	127.164.224.339	129.299.412.249
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	51.333.445.608	46.010.359.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	16.698.528.861	5.892.979.527
330	II. Nợ dài hạn		584.552.892.864	587.581.939.739
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	112.478.051.336	119.827.034.749
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	469.707.642.106	465.387.705.568
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.367.199.422	2.367.199.422
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		803.291.744.931	796.710.270.208
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	802.234.261.128	795.652.786.405
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		579.640.610.000	579.640.610.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		579.640.610.000	579.640.610.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.993.538.265	8.993.538.265
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		117.103.023.611	101.823.484.308
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		96.497.089.252	105.195.153.832
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		157.985.229	161.444.859
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		96.339.104.023	105.033.708.973
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.057.483.803	1.057.483.803
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.057.483.803	1.057.483.803
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.666.625.831.900	1.670.942.988.958

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



HỒ MINH NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (riêng)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

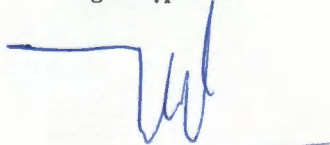
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	282.919.962.237	238.952.735.594
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		282.919.962.237	238.952.735.594
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	141.729.054.079	134.126.590.957
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.190.908.158	104.826.144.637
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	12.659.764.662	11.835.490.451
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	8.705.863.093	9.328.317.101
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.626.514.624	6.605.988.669
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	17.598.756.532	18.675.737.195
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	20.938.675.031	19.041.358.392
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		106.607.378.164	69.616.222.400
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.463.974.048	1.191.425.621
32	12. Chi phí khác	VI.8	64.340.842	179.724.922
40	13. Lợi nhuận khác		1.399.633.206	1.011.700.699
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		108.007.011.370	70.627.923.099
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V. 15	11.667.907.347	7.442.426.627
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		96.339.104.023	63.185.496.472
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10		
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10		

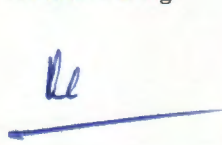
Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng

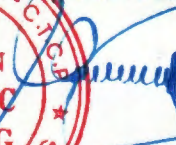


PHAN THỊNH



Đà Nẵng, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám Đốc



HỒ MINH NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

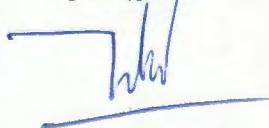
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

ĐVT: VND

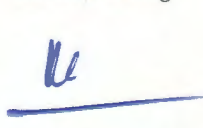
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		108.007.011.370	70.627.923.099
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8, V.9	39.088.915.853	37.410.622.389
03	- Các khoản dự phòng	VI.4, VI.5	79.337.715	530.245.036
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4, VI.5	10.754	213.493.141
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.640.392.665)	(11.829.287.635)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	8.626.514.624	6.605.988.669
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		143.161.397.651	103.558.984.699
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.102.407.121	7.641.259.632
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		705.289.488	6.594.476.113
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(31.483.186.434)	(3.615.283.631)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		285.451.524	4.654.311.466
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.490.532.451)	(6.420.991.669)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.598.800.666)	(7.906.478.176)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		102.682.026.233	104.506.278.434
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(65.230.714.340)	(85.885.669.132)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(174.036.922.262)	(176.388.748.021)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		178.394.273.685	203.590.205.894
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.109.906.748	14.775.762.482
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(51.763.456.169)	(43.908.448.777)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	V.19	30.682.066.950	53.419.510.997
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(21.039.043.804)	(29.546.962.541)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21	(75.353.279.300)	(75.353.279.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(65.710.256.154)	(51.480.730.844)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(14.791.686.090)	9.117.098.813
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		50.932.323.811	28.619.224.022
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.754)	6.227.738
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		36.140.626.967	37.742.550.573

Người lập biểu

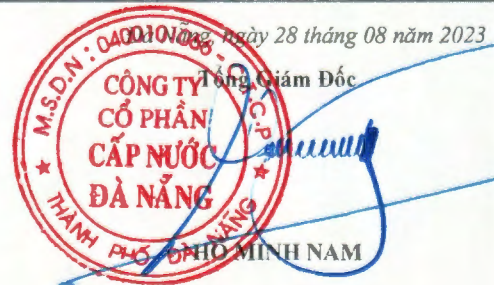


PHẠM HỒNG MINH

Kế toán trưởng



PHAN THỊNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng) cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 09/08/2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101066 ngày 01/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 9 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 01/11/2021), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 509/QĐ-SGDHN ngày 07/07/2017 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DNN. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 17/07/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn, thiết kế và lập tổng dự toán các hệ thống công trình cấp thoát nước có quy mô vừa và nhỏ. Khảo sát địa hình, địa chất, thẩm tra hồ sơ thiết kế dự toán, giám sát thi công, quản lý đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước từ nhóm B trở xuống;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định, cân đo đồng hồ nước;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt xây dựng công trình cấp nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên ngành xây dựng cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2023 Công ty có 02 đơn vị trực thuộc và 01 công ty con. Thông tin khái quát về công ty con và các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Ban Quản lý dự án Cấp nước Đà Nẵng	Số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp xây lắp Dawaco	Số 10 Trịnh Công Sơn, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng	10 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	100,0%	100,0%

6. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 513 nhân viên đang làm việc. (Tại ngày 01/01/2023 là 507 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn tài chính 6 tháng đầu năm 2023, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

• **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 – 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

• 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán/chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính/chi phí cho vay và đi vay vốn/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh/Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác/khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ/lỗ tỉ giá hối đoái

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Công ty giao dịch thanh toán.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh

175-
NHÀ
TY T
VVA T
N V
TẠI
ĐÀ NẴNG
TP. Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền mặt	7.634.150	11.330.790
Tiền gửi ngân hàng	36.132.992.817	40.920.993.021
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	7.497.106.293	10.640.639.756
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PTVN - CN Đà Nẵng	5.623.779.705	2.162.698.462
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng	4.916.924.484	18.871.489.039
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng	3.627.482.669	1.569.385.348
- Các ngân hàng khác	14.467.699.666	7.676.780.416
Tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	36.140.626.967	50.932.323.811

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	335.551.430.137	339.908.781.560
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	104.000.000.000	74.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	70.000.000.000	66.708.781.560
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	39.000.000.000	54.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ngân hàng TPCM Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	15.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á	12.144.000.000	40.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.407.430.137	5.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	30.000.000.000
Cộng	335.551.430.137	339.908.781.560

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	37.525.988	250.993.815
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	15.078.901.610	13.724.520.302
Công ty TNHH BT Ngã Ba Huế Trung Nam	4.090.711.000	4.090.711.000
Các đối tượng khác	10.988.190.610	9.633.809.302
Cộng	15.116.427.598	13.975.514.117

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.868.509.942	3.034.291.010
Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng BETACO	366.818.691	-
Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	219.000.000	219.000.000
Phan Hữu Luyện	185.000.001	-
Công ty TNHH Phước Thịnh Phát	-	746.677.171
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	-	516.130.488
Các đối tượng khác	1.097.691.250	1.552.483.351
Cộng	1.868.509.942	3.034.291.010

5. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	-	-	300.000.000	-
(Xem thuyết minh số VIII.1)				
Phải thu các đối tượng khác	22.980.917.161	-	17.752.429.794	-
Lãi dự thu	12.712.295.381	-	9.162.437.467	-
Tạm ứng	2.159.985.206	-	1.447.875.466	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.141.264.290	-	4.988.877.000	-
Phải thu khác	2.967.372.284	-	2.153.239.861	-
Cộng	22.980.917.161	-	18.052.429.794	-

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản đặt cọc hoàn trả mặt bằng thi công công trình theo giấy phép do sở GTVT Thành phố Đà Nẵng cấp phép cho thi công.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2023	01/01/2023
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	7.170.702.198	7.170.702.198
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	290.786.564	290.786.564
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	339.252.459	339.252.459
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	131.416.117	131.416.117
Cộng	7.932.157.338	7.932.157.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số đầu năm	7.932.157.338	7.127.670.765
Tăng trong kỳ	-	131.006.999
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	7.932.157.338	7.258.677.764

7. Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.605.127.670	-	32.178.596.651	-
Công cụ, dụng cụ	364.761.760	-	366.199.405	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.664.954.017	-	1.729.454.017	-
Cộng	33.634.843.447	-	34.274.250.073	-

- Nguyên vật liệu là các loại vật liệu thuộc ngành nước như ống nước, đồng hồ, mặt bích, van nước, vòi nước, máy bơm, roăng cao su các loại, hóa chất xử lý nước...; các vật liệu dùng cho hoạt động xây lắp như sắt, thép, cát; nhiên liệu dùng cho xe máy như xăng, dầu, nhớt và một số vật liệu khác. Cuối năm nay nguyên liệu, vật liệu tồn kho tăng là do Công ty mua vật liệu về nhưng chưa đưa vào thi công các dự án của Công ty đang thực hiện.
- Công cụ dụng cụ là các loại bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị chi phí các công trình xây dựng dở dang tại 30/06/2023 chưa được nghiệm thu thanh toán.
- Cuối kỳ, Công ty không có hàng tồn kho kém mất phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2023.
- Công ty không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.637.295.534	139.211.470.916	1.551.328.267.846	7.983.947.404	727.006.671	1.871.887.988.371
Đ/ư XD/CB hoàn thành	-	1.606.248.648	114.385.377.052	-	-	115.991.625.700
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	413.200.910	-	413.200.910
Giảm trong kỳ	-	(810.757.495)	(738.427.906)	-	-	(1.549.185.401)
Số cuối kỳ	172.637.295.534	140.006.962.069	1.664.975.216.992	8.397.148.314	727.006.671	1.986.743.629.580
Khấu hao						
Số đầu năm	153.093.202.310	76.823.933.995	1.127.655.842.135	5.745.690.892	466.599.569	1.363.785.268.901
Khấu hao trong kỳ	4.324.687.105	6.140.033.869	28.182.941.620	243.333.098	39.232.659	38.930.228.351
Giảm trong kỳ	-	(733.564.817)	(730.365.725)	-	-	(1.463.930.542)
Số cuối kỳ	157.417.889.415	82.230.403.047	1.155.108.418.030	5.989.023.990	505.832.228	1.401.251.566.710
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	25.981.935.378	69.892.564.823	447.753.299.767	2.367.563.881	351.077.285	508.102.719.470
Số cuối kỳ	15.219.406.119	57.776.559.022	509.866.798.962	2.408.124.324	221.174.443	585.492.062.870

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 927.272.727.146 đồng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết chờ thanh lý tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2023 là 364.282.283.452 đồng (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.000.000	9.642.575.951	9.696.575.951
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	54.000.000	9.642.575.951	9.696.575.951
Khấu hao			
Số đầu năm	54.000.000	9.004.792.607	9.058.792.607
Khấu hao trong kỳ	-	158.687.502	158.687.502
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	54.000.000	9.163.480.109	9.217.480.109
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	637.783.344	637.783.344
Số cuối kỳ	-	479.095.842	479.095.842

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 8.427.075.951 đồng.

Không có tài sản cố định vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản nợ vay tại 30/06/2023.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2023	01/01/2023
- Dự án Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000 m3/ngày lên 420.000 m3/ngày	244.265.793.129	201.819.544.825
- Tuyến ống cấp nước đường Thăng Long D1200, D100	109.462.513.741	106.007.937.145
- Dự án Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đò thêm 120.000 m3/ngày	38.502.623.458	38.500.626.125
- Dự án Nhà máy nước Hồ Hòa Trung 10.000 m3/ngày	32.003.217.998	31.342.901.404
- Tuyến ống cấp nước Hòa Liên D1200 DI, D800 DI	-	88.752.640.183
- Các công trình khác	136.907.701.387	145.892.312.301
Cộng	561.141.849.713	612.315.961.983

(*) Giá trị đầu tư tài sản đã dùng thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023 là 500.682.651.160 đồng (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty con	10.000.000.000	(869.263.866)	9.130.736.134	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây Lấp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	10.000.000.000	(869.263.866)	9.130.736.134	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	(869.263.866)	9.130.736.134	10.000.000.000
				(789.926.151)
				9.210.073.849
				(789.926.151)
				9.210.073.849

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn trên do chưa có thông tin về giá giao dịch, do đó Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đúng bằng giá trị ghi sổ trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty trên.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn được căn cứ vào số vốn chủ sở hữu thực có trên các Báo cáo tài chính cho cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 của công ty được đầu tư.

Thông tin bổ sung

	30/06/2023				01/01/2023			
	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ biểu quyết	
Đầu tư vào Công ty con								
Công ty TNHH MTV Xây Lấp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	Đang hoạt động	1.000.000	100,00%	100,00%	1.000.000	100,00%	100,00%	

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, các công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	29.465.000	62.665.000
Chi phí bảo hiểm	94.612.248	141.431.085
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180.547.579	-
Chi phí thuê nhà	27.000.000	-
Cộng	331.624.827	204.096.085

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước ngắn hạn

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	204.096.085	626.519.277
Tăng trong kỳ	506.137.987	343.490.252
Phân bổ trong kỳ	(378.609.245)	(379.369.412)
Số dư cuối kỳ	331.624.827	590.640.117

b. Dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Chi phí lắp đặt ống nhánh	4.387.383.877	4.493.462.594
Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	3.571.705.572	3.878.607.121
Cộng	7.959.089.449	8.372.069.715

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Số dư đầu năm	8.372.069.715	17.496.077.965
Tăng trong kỳ	5.844.422.266	6.196.133.017
Phân bổ trong kỳ	(6.257.402.532)	(10.814.565.323)
Số dư cuối kỳ	7.959.089.449	12.877.645.659

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Phải trả người bán là các bên liên quan	3.555.602.666	7.310.196.840
<i>(Xem thuyết minh số VIII.1)</i>		
Phải trả người bán là các đối tượng khác	48.987.884.050	57.899.600.572
Công ty Cổ Phần Xây Dựng số 5	14.314.407.616	14.471.354.461
Công ty CP Kỹ Thuật Á Châu	10.657.060.899	17.196.588.928
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	5.528.343.999	6.787.017.300
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TNG	4.632.898.385	4.632.898.385
Các đối tượng khác	13.855.173.151	14.811.741.498
Cộng	52.543.486.716	65.209.797.412

Tại ngày 30/06/2023 không có khoản nợ phải trả nào đến hạn trả nhưng chưa thanh toán. Phải trả người bán là các khoản mua vật tư, thiết bị dùng thi công các công trình của Công ty.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	700.467.405	742.454.332
Ban Quản lý dự án Đầu tư XD các Công trình Giao thông Đà Nẵng (*)	183.836.674	183.836.674
Công ty CP ĐTXD & Phát triển Hạ tầng Nam Việt Á (*)	258.860.783	258.860.783
Các đối tượng khác	257.769.948	299.756.875
Cộng	700.467.405	742.454.332

(*) Đây là các công trình thi công tuyến ống cấp nước đang vướng mặt bằng chưa thi công được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp		Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	42.286.673.690	-	7.405.738.130	3.573.417.295	38.454.352.855	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	37.342.224.545	-	12.722.093.635	-	24.620.130.910	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	225.953.250	-	1.575.201.807	3.005.539.943	1.656.291.386	-	-
Thuế tài nguyên	-	272.198.340	2.431.512.300	2.347.575.340	-	356.135.300	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.827.674.203	2.178.184.937	4.005.859.140	-	-	-
Phí, lệ phí, khoản phải nộp khác	-	5.861.439.237	39.067.463.094	37.602.841.012	-	7.326.061.319	-
Cộng	79.854.851.485	7.961.311.780	65.380.193.903	50.535.232.730	64.730.775.151	7.682.196.619	

(*) Trong tổng số thuế TNDN phát sinh 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty có 1.034.482.817 đồng là thuế TNDN tương ứng với chênh lệch chi phí nước thô được trích theo phê duyệt đơn giá nước tại Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 và công văn số 344/SIC-TCĐN ngày 28/01/2023 nộp thay cho nhà nước. Khoản thuế TNDN này không phải là chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch thuộc lĩnh vực xã hội hóa vì thòa mãn các yêu cầu về danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo quy định tại điểm 10, Mục VI, Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Mục V, Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp theo quy hoạch tại quyết định số 9018/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND Thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định "3. Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với: a) Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá). Theo đó Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch sinh hoạt.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho Nhà nước, được xác định như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	108.007.011.370	70.627.923.099
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.322.068.095	258.673.011
Điều chỉnh tăng	3.322.068.095	258.673.011
- Chi phí thù lao HĐQT không chuyên trách	117.000.000	84.000.000
- Chi phí xử lý công trình tồn đọng	38.599.000	110.101.011
- Chi phí mua nước thô tạm trích do chưa chốt giá	2.961.744.129	-
- Chi phí không hợp lệ khác	204.724.966	64.572.000
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	111.329.079.465	70.886.596.110
- Thu nhập từ ngành nước	105.782.050.756	67.348.925.949
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.547.028.709	3.537.670.161
Thuế TNDN	11.687.610.818	7.442.426.627
- Thu nhập từ ngành nước (10%)	10.578.205.076	6.734.892.595
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác (20%)	1.109.405.742	707.534.032
Điều chỉnh thu lại thuế TNDN thuộc trách nhiệm của cán bộ công nhân viên	(19.703.471)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.667.907.347	7.442.426.627

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho Nhà nước do chênh lệch giá mua nước thô

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chênh lệch chi phí nước thô nộp Ngân sách Nhà nước	5.172.414.088	6.914.464.753
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp hộ Nhà nước	1.034.482.817	1.382.892.951

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất cho các diện tích đất đang sử dụng bao gồm đất sản xuất kinh doanh và đất phi nông nghiệp, đơn giá thuế đất ở mỗi địa bàn khác nhau có giá khác nhau.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/06/2023	01/01/2023
Các loại thuế khác		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
16. Phải trả người lao động		
Tiền lương phải trả	18.124.097.671	28.726.468.070
Cộng	18.124.097.671	28.726.468.070
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả là các đối tượng khác	4.534.746.886	2.807.996.641
Chi phí mua nước - Nhà máy nước Hòa Liên	2.961.744.129	-
Lãi dự trả	580.893.173	444.911.000
Chi phí sử dụng hóa đơn điện tử	139.762.780	299.271.910
Chi phí tiền điện	-	1.367.336.935
Chi phí khác	852.346.804	696.476.796
Cộng	4.534.746.886	2.807.996.641
18. Phải trả khác		
a. Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	123.106.370.209	125.424.392.195
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.057.854.130	3.875.020.054
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	1.221.614.989	1.221.614.989
Bảo hiểm xã hội	962.389.100	2.653.405.065
Các đối tượng khác	1.873.850.041	-
Cộng	127.164.224.339	129.299.412.249
b. Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan	104.637.446.164	112.686.446.164
(Xem thuyết minh số VIII.1)		
Phải trả khác các đối tượng khác	7.840.605.172	7.140.588.585
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.840.605.172	7.140.588.585
Cộng	112.478.051.336	119.827.034.749

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số tiền vay đã trả đến hạn trả	Số cuối kỳ
		sinh trong kỳ	trong kỳ			
Vay dài hạn đến hạn trả	46.010.359.000	-	-	21.039.043.804	26.362.130.412	51.333.445.608
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	21.840.400.000	-	-	10.920.200.000	10.920.200.000	21.840.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.512.004.000	-	-	2.256.002.000	2.256.002.000	4.512.004.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.583.260.000	-	-	4.791.680.000	4.791.780.000	9.583.360.000
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng	10.074.695.000	-	-	3.071.161.804	8.394.148.412	15.397.681.608
Cộng	46.010.359.000	-	-	21.039.043.804	26.362.130.412	51.333.445.608

b. Dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
		sinh trong kỳ	trong kỳ			
Vay dài hạn	511.398.064.568	30.682.066.950	-	21.039.043.804	-	521.041.087.714
- Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng (i)	175.518.467.666	-	-	10.920.200.000	-	164.598.267.666
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	20.999.485.352	-	-	2.256.002.000	-	18.743.483.352
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (iii)	92.229.648.997	2.174.438.950	-	4.791.680.000	-	89.612.407.947
- NH TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Đà Nẵng (iv)	222.650.462.553	28.507.628.000	-	3.071.161.804	-	248.086.928.749
Cộng	511.398.064.568	30.682.066.950	-	21.039.043.804	-	521.041.087.714
Trong đó	46.010.359.000	-	-	-	-	51.333.445.608
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	46.010.359.000	-	-	-	-	46.010.359.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	465.387.705.568	-	-	-	-	469.707.642.106

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Vay Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐTD ngày 24/10/2018, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ thêm 120.000m³/ngày; Phân kỳ I: Nâng công suất thêm 60.000m³/ngày”. Hạn mức vay 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Công trình xây dựng và máy móc thiết bị đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (Xem thuyết minh số V.8, V.10)
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTD ngày 14/01/2019, thực hiện dự án “Nhà máy nước hồ Hòa Trung công suất 10.000m³/ngày. Hạn mức vay 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Hệ thống các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố đã đầu tư và tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.8, V.10)
 - Hợp đồng tín dụng số 14/2020/HĐTD ngày 19/08/2020, thực hiện dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Cầu Đỏ từ 230.000 m³/ngày lên 290.000 m³/ngày”. Hạn mức vay 71.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng. Lãi suất vay 7%/năm, được điều chỉnh mức lãi suất theo Quyết định về lãi suất của bên cho vay ban hành từng thời điểm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai của dự án. (xem thuyết minh số V.8, V.10)
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/257027/HĐTD ngày 09/09/2019 để thực hiện cải tạo tuyến ống si phong phòng mặn qua sông Cầu Đỏ. Hạn mức vay 3.220.277.123 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10)
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2019/257027/HĐTD ngày 20/09/2019 để thực hiện lắp đặt tuyến ống Si phong D900 HDPE qua Sông Hàn. Hạn mức vay 4.036.699.918 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất vay 8,5%/năm trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.8).
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/257027/HĐTD ngày 21/08/2020 để thực hiện đầu tư công trình tuyến ống cấp nước D600DI đường Hồ Xuân Hương. Hạn mức vay 2.565.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay 9%/năm trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10)
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2020/257027/HĐTD ngày 16/09/2020 để thực hiện Đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước D500; D400 DI đường Võ Nguyên Giáp - Hoàng Sa (đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến Nguyễn Phan Vinh). Hạn mức vay 24.623.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm. Lãi suất vay 9%/năm cố định trong 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất sau điều chỉnh bằng lãi suất thả nổi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn cá nhân 24 tháng trả lãi sau + biên độ 3,3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lãi suất, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10)

- (iii) Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 63/2020/VCB-KHDN ngày 03/08/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Tuyển ống cấp nước D400 DI đường Võ Nguyên Giáp – Trường Sa (đoạn từ Hồ Xuân Hương đến Võ Quý Huân). Hạn mức vay 38.112.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 1,8%/năm; Lãi suất đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng + 2,8%/năm, thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số 93/2020/VCB-KHDN ngày 22/10/2020 để đầu tư thực hiện dự án “Đầu tư công trình Tuyển ống cấp nước D1200 DI, D1000 DI, D800 DI đường Thăng Long (đoạn từ nhà máy nước Cầu Đỏ đến cầu Tuyên Sơn). Hạn mức vay 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn đầu tiên. Lãi suất vay: Đối với 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,2%/năm; đối với 2 năm tiếp theo: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 1,8%/năm; đối với thời gian vay còn lại: Lãi suất vay = Lãi suất cơ sở + 2%/năm, (trong đó lãi suất cơ sở = Lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau áp dụng cho khách hàng cá nhân của ngân hàng), thời hạn điều chỉnh lãi suất vay 6 tháng 01 lần vào ngày 26/6 và 26/12 hàng năm, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10).
- (iv) Vay ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-001 ngày 11/12/2020 để thực hiện dự án “Tuyển ống cấp nước D1200 DI, D800 DI Hòa Liên (đoạn từ nhà máy nước Hòa Liên đến đường số 2 Khu công nghiệp Hòa Khánh). Hạn mức vay 136.218.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay 4 năm đầu tiên áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,8%/năm, 08 năm tiếp theo áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10).
 - Hợp đồng tín dụng số SHBVN/ĐN/CR/HĐTD-002 ngày 13/12/2021 để thực hiện dự án “Nâng công suất trạm bơm phòng mặn An Trạch từ 210.000m3/ngày đêm lên 420.000m3/ngày đêm”. Hạn mức vay 220.206.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm. Lãi suất vay áp dụng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,5%/năm, việc thực hiện điều chỉnh lãi suất được thực hiện 03 tháng/lần trong suốt thời gian vay, lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Lãi suất tham chiếu là lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân của bốn (04) ngân hàng bao gồm: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được công bố. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai. (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)
Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2023	01/01/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.227.717.823	5.611.954.527
Quỹ phúc lợi	1.585.436.038	-
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	885.375.000	281.025.000
Cộng	16.698.528.861	5.892.979.527

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	579.640.610.000	-	8.993.538.265	65.152.916.904	126.547.341.563	780.334.406.732
Tăng trong kỳ	-	-	-	36.670.567.404	63.185.496.472	99.856.063.876
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(126.385.896.704)	(126.385.896.704)
Số dư tại 30/06/2022	579.640.610.000	-	8.993.538.265	101.823.484.308	63.346.941.331	753.804.573.904
Số dư tại 01/01/2023	579.640.610.000	-	8.993.538.265	101.823.484.308	105.195.153.832	795.652.786.405
Tăng trong kỳ	-	-	-	15.279.539.303	96.339.104.023	111.618.643.326
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(105.037.168.603)	(105.037.168.603)
Số dư tại 30/06/2023	579.640.610.000	-	8.993.538.265	117.103.023.611	96.497.089.252	802.234.261.128

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp
Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	60,08	348.242.170.000	60,08	348.242.170.000
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung	35,00	202.867.440.000	35,00	202.867.440.000
Các cổ đông khác	4,92	28.531.000.000	4,92	28.531.000.000
Cộng	100,00	579.640.610.000	100,00	579.640.610.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	579.640.610.000	579.640.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	579.640.610.000	579.640.610.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	75.353.279.300	75.353.279.300

d. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.964.061	57.964.061
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu phổ thông	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu phổ thông	57.964.061	57.964.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	105.195.153.832	126.547.341.563
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	96.339.104.023	63.185.496.472
Phân phối lợi nhuận	105.037.168.603	126.385.896.704
Phân phối lợi nhuận năm trước	105.037.168.603	126.385.896.704
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.800.000.000	13.800.000.000
- Trích quỹ Ban quản lý điều hành	604.350.000	562.050.000
- Chia cổ tức bằng tiền	75.353.279.300	75.353.279.300
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.279.539.303	36.670.567.404
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	96.497.089.252	63.346.941.331

f. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ- ĐHĐCD ngày 14/04/2023 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền là 22%, tương đương 127.520.934.200 đồng. Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 bằng tiền là 9% theo Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT ngày 09/08/2022, tương đương với 52.167.654.900 đồng vào tháng 9 năm 2022 và thực hiện chi trả phần còn lại là 13% tương đương 75.353.279.300 đồng vào tháng 5 năm 2023.

22. Tài khoản ngoài bảng

Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	12.571,96	12.521,92

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (đơn vị tính: VNĐ)

1. Doanh thu

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	92.475.293	26.757.900
Doanh thu đối với các đối tượng khác	282.827.486.944	238.925.977.694
Doanh thu ngành nước	280.663.587.281	236.819.901.452
Doanh thu các hoạt động khác	2.163.899.663	2.106.076.242
Cộng	282.919.962.237	238.952.735.594

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Giá vốn ngành nước	139.916.997.798	132.197.433.870
Giá vốn các hoạt động khác	1.812.056.281	1.929.157.087
Cộng	141.729.054.079	134.126.590.957

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.658.817.562	11.823.137.997
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	6.202.816
Doanh thu tài chính khác	947.100	6.149.638
Cộng	12.659.764.662	11.835.490.451

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí lãi vay	8.626.514.624	6.605.988.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.754	219.695.957
Dự phòng đầu tư vào công ty con	79.337.715	530.245.036
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư	-	1.972.387.439
Cộng	8.705.863.093	9.328.317.101

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	2.865.205.732	3.966.023.927
Chi phí nhân viên bán hàng	12.371.873.484	12.374.614.530
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	45.000.000	53.499.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.206.414.548	2.281.598.739
Chi phí khác bằng tiền	110.262.768	-
Cộng	17.598.756.532	18.675.737.195

• CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	85.942.536	180.503.786
Chi phí nhân viên quản lý	11.709.076.595	10.202.891.186
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.364.448.818	1.403.976.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.744.197	1.184.093.619
Chi phí khác bằng tiền	6.634.462.885	6.069.893.633
Cộng	20.938.675.031	19.041.358.392

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Giá dịch vụ thoát nước để lại phục vụ công tác thu	1.456.924.446	1.171.346.549
Thu nhập khác	7.049.602	20.079.072
Cộng	1.463.974.048	1.191.425.621

8. Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Xử lý công trình tồn đọng	38.599.000	110.101.011
Giá trị còn lại của TSCĐ giảm do hư hỏng, thay thế	19.371.997	19.621.807
Phạt vi phạm hành chính	-	50.000.000
Chi phí khác	6.369.845	2.104
Cộng	64.340.842	179.724.922

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.654.213.954	32.392.430.437
Chi phí nhân công	55.227.407.369	52.269.806.087
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.129.866.487	37.410.327.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.710.344.333	39.073.318.007
Chi phí khác bằng tiền	12.327.201.902	10.697.804.553
Cộng	180.049.034.045	171.843.686.544

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Theo quy định tại mục 3.19 và 3.20 khoản 3 điều 113 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính của công ty cổ phần là doanh nghiệp độc lập. Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chi tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Đây là Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ do đó không trình bày số liệu của hai chi tiêu này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Tiền thu từ đi vay

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.682.066.950	53.419.510.997
Cộng	30.682.066.950	53.419.510.997

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	21.039.043.804	29.546.962.541
Cộng	21.039.043.804	29.546.962.541

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	Bên đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	Bên đầu tư
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Nghiệp vụ với các bên có liên quan

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Bán hàng (cung cấp nước)		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	92.475.293	26.757.900
Mua hàng hóa, dịch vụ (không bao gồm TSCĐ)		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	3.169.515.141	1.730.675.544
Chênh lệch chi phí nước thô nộp về Ngân sách		
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	5.172.414.088	6.914.464.753
Chia cổ tức		
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	45.271.482.100	45.271.482.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	26.372.767.200	26.372.767.200
	71.644.249.300	71.644.249.300

c. Số dư với các bên liên quan.

	30/06/2023	01/01/2023
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	37.525.988	250.993.815
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	-	300.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	3.555.602.666	7.310.196.840
Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn		
Ủy Ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng	227.736.989.753	238.110.838.359
- Tài sản nhận bàn giao từ Ngân sách	90.535.834.864	90.535.834.864
- Chênh lệch chi phí mua nước thô phải nộp Ngân sách	16.465.708.725	18.790.557.331
- Phải nộp Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Đà Nẵng về vốn ngân sách đã đầu tư (*)	120.735.446.164	128.784.446.164
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Cấp Thoát Nước Đà Nẵng	6.826.620	-
- Phải trả khác	6.826.620	-
	227.743.816.373	238.110.838.359

(*) Công ty CP cấp nước Đà Nẵng phải hoàn trả ngân sách nhà nước một phần vốn đã được đầu tư vào tài sản của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng, theo quyết định số 8449/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tổng số tiền cần trả là 241.470.446.164 đồng, và Công ty sẽ thực hiện việc trả dần trong vòng 15 năm, đến tháng 12/2030. Hằng năm, Công ty sẽ thực hiện thanh toán thành 4 đợt, với mỗi đợt thanh toán là 4.024.500.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d. Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban điều hành

STT	Ban QLDH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	388.800.000	-	388.800.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	50.400.000	50.400.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	50.400.000	50.400.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	324.000.000	-	324.000.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	226.800.000	-	226.800.000
6	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS	-	39.600.000	39.600.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	367.200.000	-	367.200.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	324.000.000	-	324.000.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	345.600.000	-	345.600.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	324.000.000	-	324.000.000
Tổng cộng			2.300.400.000	140.400.000	2.440.800.000

STT	Ban QLDH	Chức danh	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022		
			Tiền lương	Thù lao	Cộng
1	Hồ Hương	Chủ tịch HĐQT	324.000.000	-	324.000.000
2	Đặng Thanh Bình	Thành viên HĐQT	-	42.000.000	42.000.000
3	Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	42.000.000	42.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	270.000.000	-	270.000.000
5	Phạm Thị Quế Chi	Thành viên BKS	189.000.000	-	189.000.000
6	Thái Quốc Khánh	Thành viên BKS	-	33.000.000	33.000.000
7	Hồ Minh Nam	Tổng Giám đốc	306.000.000	-	306.000.000
8	Trần Phước Thương	Phó Tổng Giám đốc	270.000.000	-	270.000.000
9	Lê Đức Quý	Phó Tổng Giám đốc	288.000.000	-	288.000.000
10	Phan Thịnh	Kế toán trưởng	270.000.000	-	270.000.000
Tổng cộng			1.917.000.000	117.000.000	2.034.000.000

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Tiền thưởng Ban QLDH	-	562.050.000
Cổ tức	48.230.000	48.230.000
Cộng	48.230.000	610.280.000

2. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 được ban hành kèm theo Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính và được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 thì Công ty cần lập Báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty có thể tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ngành nước và trên địa bàn là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (RIÊNG)

Địa chỉ: số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Cho kỳ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

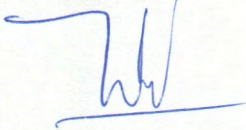
4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

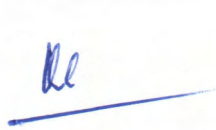
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ (riêng).

Người lập biểu



PHẠM HỒNG MINH

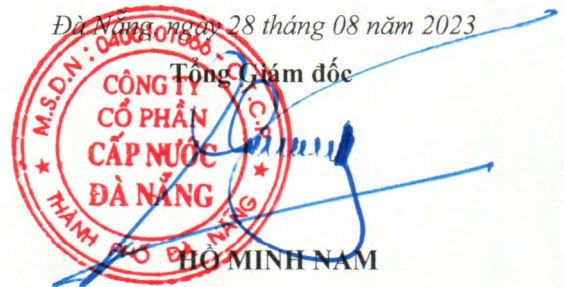
Kế toán trưởng



PHAN THỊNH

Đà Nẵng ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



HỒ MINH NAM

CÔNG TY TNHH